

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Yên Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: ông Huỳnh Đức Tâm; bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Yên Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đặng Thị Th, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: ấp BA, xã CB, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp PH, xã BKĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Trần Quốc P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp BA, xã CB, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chị Th có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Quốc P có tổ chức đám cưới vào năm 2000 đến ngày 19/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BKĐ, huyện MC (nay là huyện MCN), tỉnh Bến Tre, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình và anh P đi làm có quen người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên cãi nhau với chị. Chị vì thương hai con đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không sửa đổi đến đầu năm 2010 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh P cũng không

liên lạc với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh P và không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: chị và anh P có 02 người con chung tên Trần Quốc Ph, sinh ngày 07/12/2001, đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được và Trần Thị Th V, sinh ngày 05/10/2006, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày không có.

Do chị đi làm ở xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: thực hiện đúng và tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: chị Th thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh P chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Th về việc xin ly hôn với anh Trần Quốc P, chị Th được ly hôn với anh P.

Về con chung: cháu Trần Quốc Ph, sinh ngày 07/12/2001, đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được. Chị Đặng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thúy V, sinh ngày 05/10/2006 cho đến khi thành niên. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Đặng Thị Th trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Quốc P. Anh P cư trú tại ấp BA, xã CB, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải

quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th và anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Đặng Thị Th và anh Trần Quốc P có tổ chức đám cưới vào năm 2000 đến ngày 19/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BKĐ, huyện MC (nay là huyện MCN), tỉnh Bến Tre. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Chị Th cho rằng cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình và anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị vì thương con nên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không sửa đổi đến đầu năm 2010 mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh P cũng không liên lạc với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã phân tích, động viên nhưng chị Th khẳng định chị đã không còn tình cảm với anh P nên xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Theo quy định trên thì giữa chị Th và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Đối với anh P, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho anh P nhưng anh vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh. Qua đó cũng thể hiện việc anh P có thái độ bỏ mặc không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị Đặng Thị Th và anh Trần Quốc P có 02 người con chung tên Trần Quốc Ph, sinh ngày 07/12/2001, đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét và cháu Trần Thị Thúy V, sinh ngày 05/10/2006, chị Th yêu cầu sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi cháu V, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con và anh P cũng không có bất cứ ý kiến phản đối hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Hiện cháu V đang sống chung với chị Th có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, cháu V sau khi được hỏi ý kiến thì cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu về mặt thể chất và tinh thần Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận để chị Th là người trực tiếp nuôi con. Mặc dù tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng do chị Th không có yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, thấy rằng đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của chị nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Đặng Thị Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đặng Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Th đối với bị đơn anh Trần Quốc P, cụ thể:

[1.1] Về hôn nhân: chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Trần Quốc P.

[1.2] Về con chung: đối với cháu Trần Quốc Ph, sinh ngày 07/12/2001, đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Trần Thị Thúy V, sinh ngày 05/10/2006 cho chị Đặng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Quốc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Đặng Thị Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đặng Thị Th phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000464 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã BKĐ, huyện MCN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Yến Nhi